

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **80** /BCT-ĐTĐL

Hà Nội, ngày **06** tháng **01** năm **2025**

V/v thẩm định Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 8, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện theo trình tự thủ tục rút gọn.

Căn cứ khoản 1 Điều 92 và khoản 3 Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công Thương đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ xây dựng Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện (đính kèm) bao gồm:

1. Tờ trình Chính phủ về Dự thảo Nghị định.
2. Dự thảo 3 Nghị định.
3. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trân trọng./ *362*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg CP Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, ĐTĐL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Thanh Hoài



TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện

(Tờ trình phục vụ hoạt động thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý

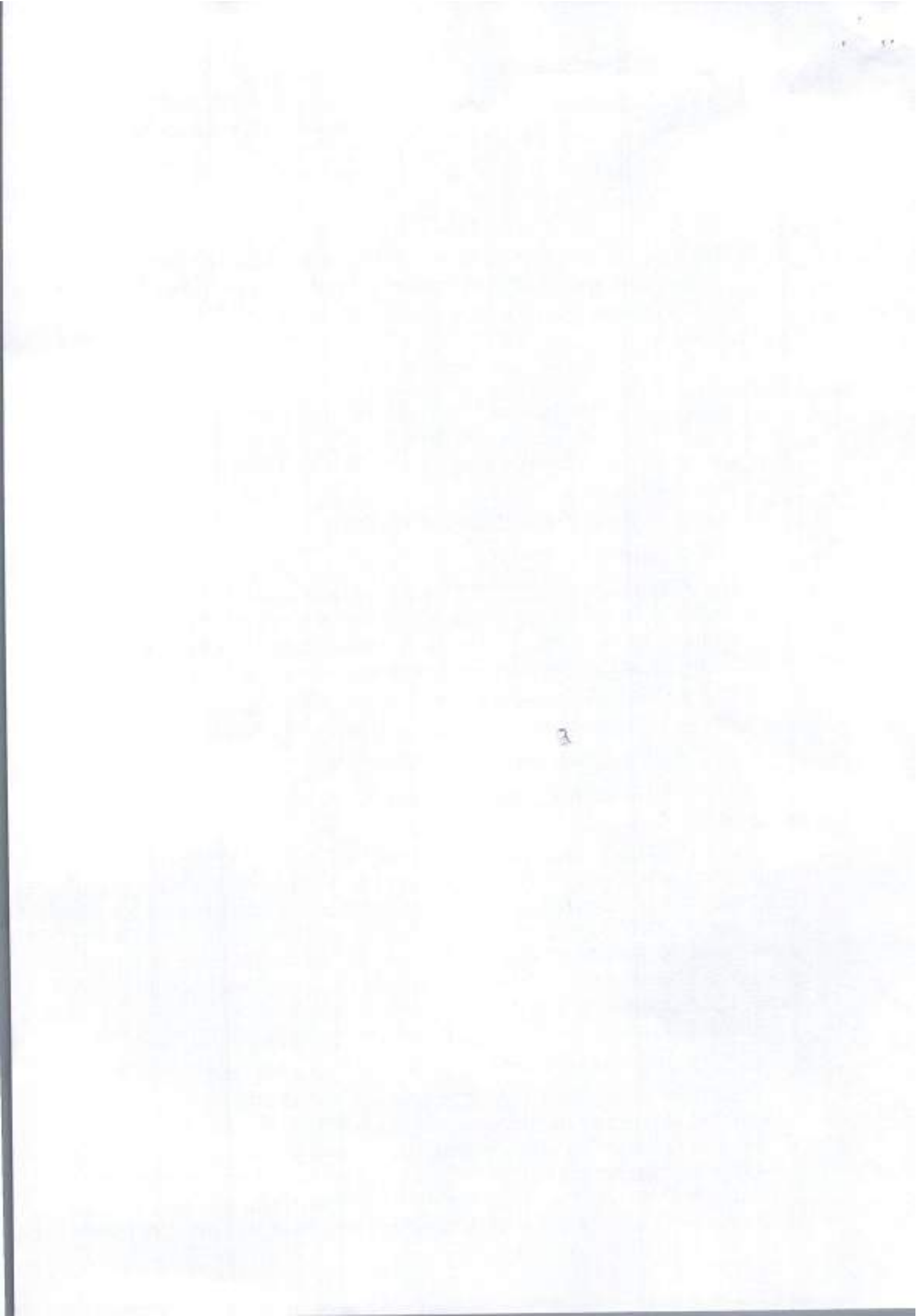
Ngày 30 tháng 11 năm 2024, tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Điện lực số 61/2024/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2025. Tại khoản 6 Điều 44, khoản 7 Điều 48 và khoản 5 Điều 53 Luật Điện lực số 61/2024/QH15 giao Chính phủ quy định nội dung sau đây:

- Quy định chi tiết về thực hiện biện pháp bảo đảm và chất lượng điện năng, quy định điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt;
- Quy định chi tiết việc ghi chỉ số đo điện năng;
- Quy định các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1610/QĐ-TTg Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 8 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1610/QĐ-TTg), trong đó giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện (sau đây viết tắt là Nghị định) theo trình tự, thủ tục rút gọn (tại số thứ tự 38 mục 5 Danh mục kèm theo Quyết định số 1610/QĐ-TTg).

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Điện lực năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012 và các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện Luật Điện lực đã có quy định về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, chất lượng điện năng, điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, ghi chỉ số đo điện năng. Trong quá trình thực hiện, các quy định này cơ bản không có vướng mắc đáng kể. Tuy nhiên, do một số quy định pháp luật khác có liên quan đã có thay đổi (Luật cư trú,



Luật Căn cước công dân...) và một số phát sinh trong thực tiễn đòi hỏi có quy định chi tiết hơn.

Trong thời gian vừa qua đã có một số tình huống huy động các nhà máy điện để bảo đảm cung cấp điện. Tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc khi thực hiện do đó cần thiết phải có hành lang pháp lý để quy định các tình huống vận hành, huy động các nhà máy điện để đảm bảo tình huống cấp bách trong bảo đảm cung cấp điện.

Dự thảo Nghị định kế thừa cơ bản nội dung đã được quy định tại Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP) và quy định một số nội dung phát sinh trong thực tế vận hành, các tình huống cấp bách để bảo đảm cung cấp điện, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định mới tại Luật Điện lực. Bên cạnh đó, một số nội dung quy định về điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện cũng cần rà soát để hiệu chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan (ví dụ về Luật Cư trú) và phát sinh trong thực tiễn thực hiện thời gian qua.

Do đó, cần thiết phải xây dựng Nghị định quy định đầy đủ nội dung được giao tại Luật Điện lực năm 2024.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Việc xây dựng và ban hành Nghị định nhằm quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật Điện lực năm 2024, qua đó tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực điện lực đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 (khoản 6 Điều 44, khoản 7 Điều 48 và khoản 5 Điều 53) và các văn bản chỉ đạo có liên quan.

- Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Nghị định số 137/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP) và sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tế thực hiện thời gian qua.

- Thực hiện các nội dung về trường hợp bảo đảm cung cấp điện tại Báo cáo số 1116/BC-UBTVQH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của UBTVQH về việc báo cáo, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi) và kế thừa nội dung quy định về trường hợp thiếu nguồn điện tại Thông tư số 34/2011/TT-BCT ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực, bao gồm: Khoản 6 Điều 44 về biện pháp bảo đảm, chất lượng điện năng của Bên mua điện trong Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích ngoài sinh hoạt; điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt; Khoản 7 Điều 48 về ghi chỉ số đo điện năng; Khoản 5 Điều 53 về các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có hoạt động khác liên quan đến điện lực tại Việt Nam.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg, Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Nghị định. Việc soạn thảo dự thảo Nghị định tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) với các hoạt động cụ thể như sau:

1. Ngày 23 tháng 12 năm 2024, Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định đã được thành lập theo Quyết định số 3432/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương, trong đó, Ban soạn thảo gồm 22 thành viên là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Tổng công ty Điện lực, các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Công Thương và một số đơn vị tham gia hoạt động điện lực.

2. Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định đã tổ chức họp, có ý kiến và thông qua dự thảo Nghị định.

3. Dự thảo Nghị định đã được lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan có liên quan theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Văn bản 10467/BCT-ĐTĐL ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương). Tính đến ngày 27 tháng 12 năm 2024, Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã nhận được 11 văn bản góp ý. Trên cơ sở các ý kiến của các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập và các cơ quan liên quan trong lĩnh vực điện lực, Bộ Công Thương đã tổ chức tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

4. Hồ sơ dự thảo Nghị định đã được Bộ Công Thương gửi Bộ Tư pháp để nghị thẩm định tại Công văn số/BCT-ĐTĐL ngày ... tháng năm 2025 của Bộ Công Thương.

5. Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định dự thảo Nghị định và có Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP ngày tháng năm 2025 về việc thẩm định dự thảo Nghị định gửi Bộ Công Thương. Bộ Công Thương đã có Báo cáo số giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 04 Chương, 10 Điều và 01 Phụ lục như sau:

- Chương I – Quy định chung bao gồm 02 điều (từ Điều 1 đến Điều 2);
- Chương II – Quy định chi tiết về biện pháp bảo đảm, chất lượng điện năng, điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, ghi chỉ số điện năng bao gồm 05 điều (từ Điều 3 đến Điều 7);
- Chương III – Quy định chi tiết về các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện gồm 02 điều (từ Điều 8 đến Điều 9).
- Chương IV- Hiệu lực thi hành: gồm 01 điều (Điều 10).
- Phụ lục: Công thức xác định hệ số công suất $\cos\phi$ và tiền mua công suất phản kháng

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

a) Quy định chung (Chương I)

Chương này bao gồm các quy định về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1), Đối tượng áp dụng (Điều 2).

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2): Nghị định áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có hoạt động khác liên quan đến điện lực tại Việt Nam.

b) Quy định chi tiết về biện pháp bảo đảm, chất lượng điện năng, điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, ghi chỉ số công tơ điện (Chương II)

Chương này bao gồm (05 Điều) quy định về Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện, Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện, Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng, Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, Ghi chỉ số đo điện năng, cụ thể như sau:

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện (Điều 3): quy định trách nhiệm của bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện trước khi hợp đồng mua bán điện có hiệu lực. Nội dung này về cơ bản kế thừa các nội dung còn phù hợp Điều 12 Nghị định 137/2013/NĐ-CP, bổ sung các nội dung sau: Trường hợp không phải thực hiện trách nhiệm bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện cho các khách hàng cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện (Điều 4): quy định các trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện.

- Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng (Điều 5): quy định các nội dung hướng dẫn cho việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng để bên mua điện bảo đảm chất lượng điện năng. Nội dung này được quy định trên cơ sở kế thừa các

nội dung còn phù hợp tại Điều 15 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP và Thông tư số 15/2014/TT-BCT hướng dẫn mua bán công suất phản kháng hướng dẫn Điều 15 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP.

- Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt (Điều 6): quy định các nội dung về điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt. Quy định này cơ bản kế thừa Điều 11 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP và Điều 8 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP.

- Ghi chỉ số đo điện năng (Điều 7): quy định các nội dung về ghi chỉ số đo điện năng được kế thừa từ Điều 17 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP.

c) Quy định chi tiết về các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện (Chương III)

Chương này bao gồm quy định về: Các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện, Xử lý tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện.

- Các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện (Điều 8)

- Xử lý tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện (Điều 9).

d) Hiệu lực thi hành (Chương IV)

Chương này có 01 Điều quy định về Hiệu lực thi hành (Điều 10), trong đó có quy định chuyển tiếp đối với hợp đồng mua bán điện đã ký.

e) **Phụ lục:** Công thức xác định hệ số công suất $\cos\phi$ và tiền mua công suất phản kháng

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện, Bộ Công Thương xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (01) Dự thảo Nghị định; (02) Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về Dự thảo Nghị định; (03) Bản chụp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về Dự thảo Nghị định; (04) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (05) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- VPCP;
- Bộ trưởng (để b/c)
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, ĐTĐL.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trương Thanh Hoài



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2025

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐIỆN LỰC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN ĐIỆN VÀ TÌNH HUỐNG BẢO ĐẢM CUNG CẤP ĐIỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực, bao gồm:

1. Khoản 6 Điều 44 về biện pháp bảo đảm, chất lượng điện năng của Bên mua điện trong Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích ngoài sinh hoạt; điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt.

2. Khoản 7 Điều 48 về ghi chỉ số đo điện năng.

3. Khoản 5 Điều 53 về các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có hoạt động khác liên quan đến điện lực tại Việt Nam.

Chương II

BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, CHẤT LƯỢNG ĐIỆN NĂNG, ĐIỀU KIỆN GIAO KẾT HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH SINH HOẠT, GHI CHỈ SỐ CÔNG TƠ ĐIỆN

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện

1. Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên theo đăng ký tại hợp đồng mua bán điện có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng mua bán điện có hiệu lực. Trường hợp sản lượng điện tiêu thụ bình quân đăng ký tại hợp đồng mua bán điện thấp hơn mức này, nhưng sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên, bên mua điện có trách nhiệm phối hợp với bên bán điện sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán điện đã ký để bổ sung nội dung về bảo đảm thực hiện hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Hằng năm, bên bán điện và bên mua điện thỏa thuận giá trị thực hiện bảo đảm hợp đồng phù hợp với sản lượng điện bình quân sử dụng thực tế trong 12 tháng trước liền kề.

2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng do các bên mua điện và bên bán điện thỏa thuận trong phạm vi dải giá trị từ 10 đến 15 ngày tiền điện, được tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng đăng ký trong hợp đồng mua bán điện hoặc sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất và giá điện năng giờ bình thường được áp dụng.

3. Biện pháp, hình thức, hiệu lực bảo đảm, quyền và nghĩa vụ trong việc bảo đảm hợp đồng do các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng mua bán điện; khuyến khích việc thực hiện biện pháp bảo lãnh qua ngân hàng.

4. Quy định về bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện không áp dụng đối với trường hợp khách hàng sử dụng điện với mục đích cấp điện cho trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 4. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện

1. Bên mua điện có trách nhiệm bảo đảm các thiết bị sử dụng điện của mình đáp ứng yêu cầu về chất lượng điện năng theo quy chuẩn về kỹ thuật điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

2. Bên mua điện đề sản xuất, kinh doanh có trạm điện riêng hoặc có công suất sử dụng cực đại từ 40 kW trở lên trong 3 chu kỳ ghi chỉ số đo điện năng liên tiếp có trách nhiệm:

a) Đăng ký biểu đồ phụ tải và đặc tính kỹ thuật công nghệ của thiết bị sử dụng điện với bên bán điện;

b) Đảm bảo hệ số $\cos\phi \geq 0,9$ tại điểm đặt thiết bị đo đếm điện trong điều kiện hệ thống điện đảm bảo chất lượng điện năng theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Trường hợp hệ số $\cos\phi < 0,9$, bên mua điện phải mua thêm công suất phản kháng trên hệ thống điện của bên bán điện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về sóng hài, dao động điện áp, nhấp nháy điện áp theo Quy định về hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

3. Trường hợp bên mua điện có khả năng phát công suất phản kháng lên hệ thống điện và bên bán điện có nhu cầu mua công suất phản kháng, hai bên có thể thỏa thuận việc mua, bán công suất phản kháng thông qua hợp đồng.

4. Trường hợp bên mua điện có yêu cầu chất lượng điện năng cao hơn quy định của Bộ Công Thương, bên mua điện và bên bán điện có thể thỏa thuận và quy định cụ thể về yêu cầu chất lượng điện năng trong hợp đồng mua bán điện.

Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng

1. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh có trạm điện hoặc có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại hợp đồng mua bán điện từ 40 kW trở lên và có hệ số công suất $\cos\phi < 0,9$ phải mua công suất phản kháng. Phương pháp xác định hệ số công suất $\cos\phi$ được quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp bên mua điện có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại hợp đồng mua bán điện dưới 40 kW nhưng có công suất sử dụng điện thực tế cực đại từ 40 kW trở lên trong 3 chu kỳ ghi chỉ số công tơ liên tiếp thì bên mua điện thuộc đối tượng phải mua công suất phản kháng kể từ chu kỳ ghi chỉ số kế tiếp của 3 chu kỳ ghi chỉ số trên. Bên mua điện có trách nhiệm thỏa thuận lại hợp đồng mua bán điện với bên bán điện để thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Hệ số công suất $\cos\phi$ dùng để xác định việc mua công suất phản kháng của bên mua điện được tính trên cơ sở số liệu đo đếm được tại công tơ đo đếm điện năng trong một chu kỳ ghi chỉ số công tơ theo quy định tại mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trường hợp bên mua điện ký một Hợp đồng cho nhiều công tơ đo đếm điện tại một địa điểm được cấp chung cùng một đường dây thì điện năng tác dụng là tổng sản lượng điện năng tác dụng của các công tơ và điện năng phản kháng là tổng sản lượng điện năng phản kháng của các công tơ.

4. Trường hợp bên mua điện có sử dụng điện cho các mục đích khác chung với mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì việc xác định hệ số công suất $\cos\phi$ như sau:

a) Khi có công tơ đo đếm riêng cho phần điện năng sử dụng để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì chỉ áp dụng mua công suất phản kháng đối với phần điện năng sử dụng cho mục đích này;

b) Khi không có công tơ đo đếm riêng cho phần điện năng sử dụng để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà chỉ có công tơ đo đếm điện năng chung, nếu hệ số công suất $\cos\phi < 0,9$ thì bên mua điện vẫn phải mua công suất phản kháng cho cả phần điện năng chung đó.

5. Tiền mua công suất phản kháng là số tiền bên mua điện phải trả cho bên bán điện để bù đắp các khoản chi phí phát sinh thêm do bên mua điện sử dụng quá lượng công suất phản kháng quy định được tính theo công thức quy định tại mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Bên mua điện phải thanh toán tiền mua công suất phản kháng cùng kỳ với tiền mua điện năng tác dụng. Hoá đơn mua công suất phản kháng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. Việc xử lý nợ tiền mua công suất phản kháng được thực hiện như xử lý nợ tiền mua điện năng tác dụng.

7. Trường hợp bên bán điện không đảm bảo chất lượng điện theo quy định của Bộ Công Thương thì bên mua điện không phải mua công suất phản kháng khi hệ số công suất $\cos\phi < 0,9$.

Điều 6. Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt

1. Tổ chức, cá nhân khi đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Chủ thể đề nghị giao kết hợp đồng của bên mua điện là người đại diện của bên mua điện thực hiện giao kết hợp đồng;

b) Chủ thể đề nghị giao kết hợp đồng của bên bán điện là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của đơn vị bán lẻ điện đáp ứng nhu cầu của Bên mua điện thực hiện giao kết hợp đồng;

c) Chủ thể tham gia đề nghị giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện; có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với hợp đồng được xác lập. Trường hợp người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của người mất năng lực hành vi dân sự là chủ thể tham gia đề nghị giao kết hợp đồng;

d) Trường hợp bên mua điện gồm nhiều hộ sử dụng điện chung giao kết 01 hợp đồng thì chủ thể giao kết hợp đồng của Bên mua điện là đại diện số hộ dùng chung ký hợp đồng và có văn bản ủy quyền của các hộ dùng chung khác. Tại hợp đồng phải ghi rõ số hộ dùng chung (có danh sách kèm theo) và giá bán điện được áp dụng theo quy định của pháp luật về điện lực. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự;

đ) Trường hợp bên mua điện là người thuê nhà ở thì chủ thể giao kết hợp đồng của bên mua điện là chủ sở hữu nhà ở hoặc người thuê nhà được chủ sở hữu nhà ở ủy quyền bằng văn bản. Trong đó, chủ sở hữu nhà ở có cam kết thanh toán tiền điện trong trường hợp người thuê nhà được ủy quyền chủ thể giao kết hợp đồng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện.

e) Tại một địa điểm đăng ký mua điện, bên mua điện là một hộ gia đình thì chỉ được giao kết 01 hợp đồng.

2. Bên mua điện lập hồ sơ đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt bằng văn bản giấy hoặc hình thức thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản theo quy định của pháp luật, gửi 01 bộ hồ sơ tới bên bán điện trong trường hợp bằng văn bản giấy. Hồ sơ đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện bao gồm các giấy tờ, tài liệu sau đây:

a) Đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt;

b) Thẻ Căn cước hoặc Thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của người đại diện bên mua điện có thông tin về cư trú của hộ gia đình tại địa điểm mua điện. Trường hợp không sử dụng thông tin về cư trú của hộ gia đình tại địa điểm mua điện, bên mua điện cung cấp bản sao của một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất (trên đất đã có nhà ở); quyết định phân nhà; hợp đồng mua bán nhà; hợp đồng thuê nhà có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc giấy tờ khác chứng minh quyền sở hữu, quản lý, sử dụng địa điểm mua điện có thời hạn từ 01 năm trở lên để đăng ký mua điện;

3. Bên bán điện phải thực hiện giao kết hợp đồng và cấp điện cho bên mua điện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày các bên đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 7. Ghi chỉ số đo điện năng

1. Đối với việc mua bán điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt, Bên bán điện ghi chỉ số đo điện năng mỗi tháng 01 lần vào ngày ấn định do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện, trừ trường hợp bất khả kháng có nguy cơ mất an toàn cho người lao động quy định trong hợp đồng mua bán điện. Cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số đo điện năng trước hoặc sau 01 ngày so với ngày ấn định hoặc dịch chuyển theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

2. Trường hợp bên mua điện và bên bán điện không thỏa thuận được số lần ghi chỉ số đo điện năng trong tháng, việc ghi chỉ số đo điện năng đối với việc mua bán điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt của bên bán điện được quy định căn cứ vào sản lượng điện tiêu thụ bình quân đăng ký trong hợp đồng mua bán điện như sau:

- a) Dưới 50.000 kWh/tháng, ghi chỉ số một lần trong một tháng;
- b) Từ 50.000 đến 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số hai lần trong một tháng;
- c) Trên 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số ba lần trong một tháng;

3. Hai bên có quyền thỏa thuận để điều chỉnh số lần ghi chỉ số đo điện năng đối với việc mua bán điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt nếu sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân của bên mua điện trong ba tháng gần nhất vượt quá hoặc thấp hơn các ngưỡng tiêu thụ đã quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

4. Đối với bên mua điện sử dụng điện năng ít hơn 15 kWh/tháng, chu kỳ ghi chỉ số đo điện năng do hai bên thỏa thuận.

5. Đối với việc mua bán buôn điện, việc ghi chỉ số đo điện năng do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

6. Bên bán điện phải bảo đảm tính chính xác của chỉ số đo điện năng đã ghi.

Chương III

TÌNH HUỐNG CẤP BÁCH ĐE DỌA NGHIÊM TRỌNG ĐẾN KHẢ NĂNG BẢO ĐẢM CUNG CẤP ĐIỆN VÀ CÁCH XỬ LÝ

Điều 8. Các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện

1. Xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng mất cân bằng công suất giữa nguồn điện và phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện.

2. Xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu sản lượng điện năng đáp ứng cho phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện.

3. Các tình huống cấp bách khác dẫn đến tình trạng mất cân bằng công suất giữa nguồn điện và phụ tải điện.

Điều 9. Xử lý tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện

1. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có trách nhiệm xác định các tình huống cấp bách đe dọa đến khả năng bảo đảm cung cấp điện trong các Phương thức vận hành hệ thống điện hoặc thực tế vận hành của hệ thống điện quốc gia, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc vận hành, huy động các nhà máy điện nhằm bảo đảm cung cấp điện.

2. Các đơn vị phát điện có trách nhiệm tuân thủ việc huy động, bảo đảm vận hành các tổ máy, thiết bị an toàn và báo cáo chủ sở hữu về việc thực hiện lệnh huy động.

Chương IV

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.

2. Các quy định về hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt quy định tại Điều 11 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP và quy định về bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện, chất lượng điện năng, ghi chi số công tơ điện quy định tại Điều 12, Điều 15 và Điều 17 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP hết hiệu lực từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng đã được ký kết. Đối với những khách hàng đã thực hiện bảo đảm hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định

này thì có quyền đề nghị bên bán điện sửa đổi hợp đồng mua bán điện theo quy định tại Nghị định này ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục
CÔNG THỨC XÁC ĐỊNH HỆ SỐ CÔNG SUẤT COS ϕ VÀ TIỀN MUA
CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

1. Hệ số công suất cos ϕ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Cos}\phi = \frac{A_p}{\sqrt{A_p^2 + A_q^2}}$$

Trong đó:

A_p : Điện năng tác dụng trong chu kỳ ghi chỉ số công tơ (kWh);

A_q : Điện năng phản kháng nhận về trong chu kỳ ghi chỉ số công tơ là lượng công suất phản kháng tiêu thụ bởi các thiết bị điện trong khoảng thời gian giữa hai lần ghi chỉ số công tơ (kVArh).

2. Tiền mua công suất phản kháng được tính theo công thức sau:

$$T_q = T_p \times k\%$$

Trong đó:

T_q : Tiền mua công suất phản kháng (chưa có thuế giá trị gia tăng);

T_p : Tiền mua điện năng tác dụng (chưa có thuế giá trị gia tăng);

k : Hệ số bù đắp chi phí do bên mua điện sử dụng quá lượng công suất phản kháng quy định (%), được xác định theo bảng sau:

Hệ số công suất Cos ϕ	k (%)	Hệ số công suất Cos ϕ	k (%)
Từ 0,9 trở lên	0	0,74	21,62
0,89	1,12	0,73	23,29
0,88	2,27	0,72	25
0,87	3,45	0,71	26,76
0,86	4,65	0,7	28,57
0,85	5,88	0,69	30,43
0,84	7,14	0,68	32,35
0,83	8,43	0,67	34,33
0,82	9,76	0,66	36,36
0,81	11,11	0,65	38,46
0,8	12,5	0,64	40,63
0,79	13,92	0,63	42,86
0,78	15,38	0,62	45,16
0,77	16,88	0,61	47,54
0,76	18,42	0,6	50
0,75	20	Dưới 0,6	52,54

10/10/10



BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện (dự thảo Nghị định) đã được gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

a) Theo Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Bộ Công Thương được phân công chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan soạn thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện, đồng thời Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

b) Bộ Công Thương đã có Văn bản số 10467/BCT-ĐTĐL ngày 20 tháng 12 năm 2024 lấy ý kiến các Bộ, cơ quan có liên quan, các đơn vị điện lực và các hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực điện lực đối với dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ, thời hạn lấy ý kiến đến ngày 27 tháng 12 năm 2024.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Bộ Công Thương đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Tính đến ngày 27 tháng 12 năm 2024, Bộ Công Thương nhận được 11 ý kiến góp ý. Trong đó, 02 ý kiến thống nhất, 09 ý kiến về cơ bản nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý tại Bản Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân sau đây:



Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng văn bản và ý kiến

TT	NHÓM VĂN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1.	Thống nhất hoặc cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị định.	Thống nhất: Tổng công ty phát điện 1, 2.		
2.	Thống nhất hoặc cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ.			
3.	Không có ý kiến đối với dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình chính phủ			
4.	Góp ý chung về Dự thảo Nghị định	VICOPRO	Đề nghị tách Chương II thành 2 Chương với nội dung: Chương II về biện pháp bảo đảm, chất lượng điện năng, điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt; Chương III về ghi chi số công tơ điện với lý do Chương II có nội dung quy định riêng cho 2 loại hợp đồng mua bán điện, Chương III có nội dung quy định chung cho cả 2 loại hợp đồng.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do nếu tách như vậy không phù hợp về cấu trúc chung của Nghị định đồng thời không ảnh hưởng về nội dung của Dự thảo Nghị định
5.	Góp ý chung về Dự thảo Nghị định	VICOPRO	Đề nghị sắp xếp nội dung Điều 6-Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt cho thuận lợi khi	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do các khoản, điểm tại Điều 6 đã được sắp xếp theo điều kiện yêu cầu với 2 bên và yêu

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
6.	Góp ý đối với dự thảo Trình Chính phủ		Thực hiện, cụ thể: tách Điều 6 thành 2 khoản quy định yêu cầu đối với bên mua điện và bên bán điện, trong đó các yêu cầu về hồ sơ đưa vào khoản 1 quy định đối với bên mua điện, quy định về thời hạn giao kết hợp đồng và cấp điện của bên bán điện đưa vào khoản 2 yêu cầu với bên bán điện	câu về hồ sơ riêng để rõ ràng khi thực hiện. Khi các điều kiện nêu trên được đáp ứng thì trong thời hạn 07 ngày làm việc bên bán điện có trách nhiệm phải thực hiện giao kết hợp đồng và cấp điện cho bên mua điện. Câu trúc Điều 6 như hiện tại là phù hợp.
7.	Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện	EVN	Đề nghị hiệu chỉnh như sau: " <i>Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên theo đồng hồ tại hợp đồng mua bán điện hoặc bình quân tiêu thụ điện 12 tháng gần nhất có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký kết hợp đồng mới hoặc gia hạn thời hạn hiệu lực của hợp đồng mua bán điện đã ký.</i> <i>Vào quý 1 hàng năm, bên bán điện và bên mua điện thỏa thuận giá trị thực hiện bảo đảm hợp đồng phù hợp với sản lượng điện sử dụng thực tế trong năm trước liền kề.</i>	- Tiếp thu ý kiến góp ý của EVN, EVNCPC về việc tách bạch khách hàng mới đăng ký mua điện và khách hàng đã ký hợp đồng đang sử dụng điện, ý kiến góp ý của EVN, EVNHANOI về việc áp dụng bảo đảm thực hiện hợp đồng điều chỉnh mỗi năm một lần phù hợp với thực tế sử dụng và không làm phát sinh thủ tục cho khách hàng liên tục hàng tháng. Dự thảo Nghị định được hiệu chỉnh như sau: " <i>1. Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên theo đồng hồ tại hợp đồng mua bán điện có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo</i>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>Trong quá trình sử dụng điện, Bên mua điện không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bên bán điện báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý hoặc thực hiện ngừng cung cấp điện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Làm rõ quy định bảo đảm thực hiện hợp đồng áp dụng cho cả khách hàng mới đăng ký mua điện và khách hàng đã ký hợp đồng đang sử dụng điện. Việc áp dụng bảo đảm thực hiện hợp đồng điều chỉnh mỗi năm một lần phù hợp với thực tế sử dụng và không làm phát sinh thủ tục cho khách hàng phải điều chỉnh bảo lãnh ngân hàng liên tục hàng tháng.</p> <p>+ Bổ sung quy định ngừng cấp điện đối với khách hàng phải đảm bảo hợp đồng mà không thực hiện để đảm bảo tính tuân thủ (trước đây nội dung này được quy định tại Thông tư ngừng giám cung cấp điện tự nhiên Tại Điều 44 Luật Điện lực quy định Chính phủ hướng dẫn nên dự thảo Thông tư ngừng giám cung cấp điện mới đã bỏ nội dung này).</p>	<p>đàm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng mua bán điện có hiệu lực. Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên có trách nhiệm phối hợp với Bên bán điện sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán điện đã ký để bổ sung nội dung về bảo đảm thực hiện hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Hàng năm, bên bán điện và bên mua điện thỏa thuận giá trị thực hiện bảo đảm hợp đồng phù hợp với sản lượng điện bình quân sử dụng thực tế trong 12 tháng trước liền kề.</p> <p>- Đối với ý kiến của EVN về việc xử lý khi Bên mua điện không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng: đây là tranh chấp dân sự giữa 2 bên vì vậy 2 bên có quyền xử lý theo quy định pháp luật có liên quan về hòa giải hoặc về tố tụng dân sự. Mặt khác, Luật Điện lực năm 2024 không quy định việc khách hàng không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng thuộc trường hợp bị</p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
8.	Khoản 1 Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện	EVNHN	<p>Để thuận tiện cho việc thực hiện thủ tục bảo đảm, khách hàng chủ yếu thực hiện việc bảo đảm bằng bảo lãnh ngân hàng, đề nghị hiệu chỉnh như sau:</p> <p><i>“1. Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên theo đăng ký tại hợp đồng mua điện hoặc sản lượng điện sử dụng thực tế bình quân tháng của 12 tháng trước liền kề có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.”</i></p>	<p>ngừng, giảm mức cung cấp điện, vì vậy không có cơ sở để tiếp thu ý kiến của EVN về nội dung này.</p> <p>- Đối với ý kiến của EVNCPC về việc áp dụng đối với trường hợp 1 khách hàng có nhiều địa điểm sử dụng điện: đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định do việc thực hiện bảo đảm hợp đồng được áp dụng đối với từng hợp đồng riêng lẻ, đảm bảo sự tách bạch về chỉ số đo điện năng ứng với mỗi hợp đồng.</p>
9.	Khoản 1 Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện	EVNSPC	<p>Đề nghị mở rộng đối tượng đảm bảo hợp đồng, với thực tế hiện nay ngày càng nhiều trường hợp khách hàng không thanh toán tiền điện và phải thực hiện các biện pháp tố tụng với các trường hợp <1.000.000 kWh/tháng, cụ thể hiệu chỉnh như sau:</p> <p><i>“1. Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 500.000 kWh/tháng trở lên có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng mua bán điện có hiệu lực”.</i></p>	<p>- Đối với ý kiến của EVNSPC về việc mở rộng đối tượng thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng tới các khách hàng có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 500.000 kWh/tháng trở lên: Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do đây là quy định đã được áp dụng nhiều năm mang tính ổn định, việc thay đổi đối tượng khách hàng chưa được đánh giá tác động, chưa đánh giá được ảnh hưởng trong thực tế áp dụng do đó chưa xem xét trong nội dung sửa đổi lần này.</p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
10.	Khoản 1 Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện	EVNCPC	<p>Đề nghị tách bạch trường hợp khách hàng đăng ký mới và khách hàng đang sử dụng điện; làm rõ hơn việc áp dụng đối với trường hợp 1 khách hàng có nhiều địa điểm sử dụng điện. Đề xuất hiệu chỉnh như sau:</p> <p><i>“Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên theo đăng ký tại hợp đồng mua điện có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng mua bán điện có hiệu lực.</i></p> <p><i>Trường hợp Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân ba tháng gần nhất của tất cả hợp đồng mua bán điện từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên có trách nhiệm phối hợp với Bên bán điện để sửa đổi Hợp đồng mua bán điện và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.”</i></p>	
11.	Khoản 2 Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện	EVN	<p>Đề đồng bộ với khoản 1 Điều 3 nêu trên, đề nghị hiệu chỉnh khoản này như sau:</p> <p><i>“Giá trị báo đảm thực hiện hợp đồng do các bên mua, bán điện thỏa thuận, nhưng không vượt quá 15 ngày tiền điện, được</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, Dự thảo Nghị định được hiệu chỉnh như sau: <i>“2. Giá trị báo đảm thực hiện hợp đồng do các bên mua, bán điện thỏa thuận trong phạm vi dài giá trị từ 10 đến 15 ngày tiền điện, được</i></p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
12.	Khoản 2 Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện		<p><i>tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng đăng ký trong hợp đồng mua bán điện hoặc sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng trong quá trình sử dụng nhân với giá điện năng giờ bình thường được áp dụng.</i></p> <p>Mặt khác, cần đồng bộ giữa Nghị định này với Nghị định quy định về DPPA hoặc có quy định riêng đối với Bên mua điện tham gia cơ chế DPPA để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng</p>	<p><i>tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng đăng ký trong hợp đồng mua bán điện hoặc sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất và giá điện năng giờ bình thường được áp dụng.</i></p>
		EVNSPC	<p>Để đảm bảo quy định luôn đúng trong các trường hợp: (i) Các khách hàng đang ghi điện 3 kỳ/tháng đảm bảo không vượt quá 15 ngày tiền điện báo lãnh (10 ngày của 1 chu kỳ ghi điện+05 ngày thời hạn thanh toán); (ii) Khách hàng mua điện tham gia cơ chế DPPA, đề nghị hiệu chỉnh như sau:</p> <p><i>“2. Giá trị báo đảm thực hiện hợp đồng do các bên mua, bán điện thỏa thuận, nhưng không vượt quá số tiền điện ước lượng của 1 chu kỳ ghi điện cộng với thời hạn thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng, được tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ trung bình tháng đăng ký trong</i></p>	

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
13.	Khoản 2 Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện	EVNCPC	<p>hợp đồng mua bán điện và giá điện năng giờ bình thường được áp dụng.”</p> <p>Trên thực tế có trường hợp khách hàng đề nghị giá trị đàm phán bảo chi có 1 hoặc 2 ngày tiền điện (vẫn đảm bảo quy định “không vượt quá 15 ngày”), gây khó khăn cho ngành điện trong việc thỏa thuận với khách hàng. Đề nghị hiệu chỉnh như sau:</p> <p>+ Đối với khách hàng đăng ký mới: Dự thảo Nghị định đã quy định mức tối đa giá trị bảo đảm (không vượt quá 15 ngày tiền điện), đề nghị bổ sung quy định về mức tối thiểu của giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên bán điện khi thỏa thuận với khách hàng, đảm bảo giảm thiểu rủi ro cho ngành điện trong thực hiện hợp đồng với khách hàng có sản lượng lớn.</p> <p>+ Đối với khách hàng đang sử dụng điện: đề nghị bổ sung giá trị đàm phán trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân tháng của 03 tháng gần nhất của tất cả các hợp đồng mua bán điện.</p>	
14.	Khoản 4 Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	EVNHANOI	Việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng được rà soát hàng năm. Đối với các	Tiếp thu ý kiến góp ý và hiệu chỉnh tương ứng tại Dự thảo Nghị định

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	mua bán điện		<p>hợp đồng đã ký có hiệu lực trước thời điểm Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 đã ký lại HĐMBĐ và được áp dụng nếu thuộc đối tượng bảo đảm. Vì vậy đề nghị bỏ quy định tại điểm a, chỉ giữ lại quy định về miễn trừ bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện đối với trường hợp nêu tại điểm b, cụ thể khoản 4 Điều 3 được hiệu chỉnh như sau:</p> <p><i>“4. Quy định về bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện không áp dụng đối với trường hợp khách hàng sử dụng điện với mục đích cấp điện cho trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.”</i></p>	
15.	Khoản 2 Điều 4. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện	EVN	<p>Tại quy định về biểu giá bán lẻ điện, mục đích sử dụng điện cho kinh doanh đã bao gồm dịch vụ, đồng thời để đồng bộ với quy định tại khoản 1 Điều 5 Dự thảo Nghị định, đề nghị hiệu chỉnh khoản 2 Điều 4 như sau: <i>“Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh có trạm điện riêng hoặc không có trạm điện riêng nhưng có công suất sử dụng cực đại từ 40 kW trở lên trong 3 chu</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến và hiệu chỉnh Dự thảo Nghị định theo hướng làm rõ các trường hợp như sau: <i>“Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh có trạm điện riêng hoặc có công suất sử dụng cực đại từ 40 kW trở lên trong 3 chu kỳ ghi chỉ số công tơ liên tiếp có trách nhiệm: ...”</i></p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
16.	Khoản 2 Điều 4. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện	EVNHANOI	<p><i>Kỳ ghi chỉ số công tơ liên tiếp có trách nhiệm: ..."</i></p> <p>Đề đồng nhất khái niệm trạm biến áp cấp điện cấp điện cho phụ tải khách hàng, đề nghị hiệu chỉnh như sau:</p> <p><i>"2. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trạm biến áp riêng hoặc không có trạm biến áp riêng nhưng có công suất sử dụng cực đại từ 40 kW trở lên có trách nhiệm:..."</i></p>	Tiếp thu ý kiến, đã hiệu chỉnh thông nhất thuật ngữ thành "trạm điện"
17.	Khoản 2 Điều 4. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện	EVNCPC	tại điểm b lập từ "trường hợp"	Tiếp thu ý kiến góp ý của EVNCPC, Dự thảo Nghị định đã bỏ từ "trường hợp" bị lặp
18.	Khoản 3 Điều 4. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện	EVNSPC	<p>Đề nghị hiệu chỉnh để làm rõ như sau:</p> <p><i>"Trường hợp bên mua điện có khả năng phát công suất phản kháng lên hệ thống điện:</i></p> <p><i>- Nếu bên bán điện có nhu cầu mua công suất phản kháng, hai bên có thể thỏa</i></p>	Việc khách hàng sử dụng điện phát công suất phản kháng lên hệ thống điện khi hệ thống điện không có nhu cầu là vi phạm về tiêu chuẩn chất lượng điện năng, do đó đã có chế tài trong xử lý vi phạm hành chính, không thuộc các trường hợp vi phạm hợp đồng.

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
19.	Khoản 4 Điều 4. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện	EVN	<p><i>thuận việc mua, bán công suất phân kháng thông qua hợp đồng.</i></p> <p><i>- Nếu bên bán điện không có nhu cầu mua công suất phân kháng thì bên mua không được phát công suất phân kháng lên hệ thống điện; nếu vi phạm sẽ bị xử lý truy thu tiền với giá bằng với giá mua công suất phân kháng."</i></p>	<p><i>Nội dung Dự thảo đã nêu: Trường hợp bên mua điện có yêu cầu chất lượng điện năng cao hơn quy định của Bộ Công Thương, bên mua điện và bên bán điện có thể thỏa thuận và quy định cụ thể về yêu cầu chất lượng điện năng trong hợp đồng mua bán điện.</i></p> <p><i>Do đó các nội dung cụ thể sẽ được thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Đồng thời trong thời gian tới khi ban hành chờ chế giá điện hai thành phần, giá điện sẽ bao gồm chi phí công suất (thu hồi chi phí đầu tư ban đầu) và giá cho điện năng sử dụng sẽ giải quyết được các nội dung này.</i></p>
20.	Khoản 4 Điều 4. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện	EVNSPC	<p><i>Đề nghị bỏ quy định tại khoản này hoặc sửa đổi như sau: Trường hợp bên mua điện có yêu cầu chất lượng điện năng cao hơn quy định của Bộ Công Thương, các bên mua bán điện có thể thỏa thuận cụ thể về yêu cầu chất lượng điện năng và chi phí đầu tư, duy trì chất lượng điện năng tương ứng trong hợp đồng mua bán điện."</i> do bên mua điện có nhu cầu thì phải chịu chi phí trong việc đảm bảo cung cấp điện năng có chất lượng cao hơn quy định</p>	<p><i>Chất lượng điện năng đi đôi với giá điện (chi phí đầu tư, vận hành, giám sát khác khe hơn,...), tuy nhiên hiện nay chưa có cơ chế cho EVN bán điện theo chất lượng điện năng với giá cao hơn giá bán do BCT</i></p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
21.	Khoản 1 Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng	EVN	Đề đồng bộ với đối tượng áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 4 của dự thảo, đề nghị hiệu chỉnh như sau: " <i>1. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh có trạm biến áp riêng hoặc không có công suất sử dụng cực đại đăng ký ...</i> "	Tiếp thu ý kiến và hiệu chỉnh Dự thảo Nghị định đề đồng bộ với đối tượng áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 4 như sau: " <i>1. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh có trạm biến áp riêng hoặc không có công suất sử dụng cực đại đăng ký ...</i> "
22.	Khoản 1 Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng	EVNHANOI	Đề quy định rõ đối tượng khách hàng thực hiện mua công suất phản kháng, đề nghị hiệu chỉnh như sau: " <i>1. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trạm biến áp riêng hoặc không có trạm biến áp riêng, nhưng có công suất sử dụng cực đại đăng ký ...</i> "	
23.	Khoản 3 Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng	EVN	Đề nghị loại bỏ cụm từ "trung thể hoặc cao thế" vì có khách hàng không có trạm điện riêng có thể mua điện từ lưới hạ thế. Bên cạnh, về khía cạnh vận hành, hệ số công suất cosφ được xác định trên toàn bộ công suất sử dụng điện tại một địa điểm mua điện được cấp bởi cùng nhánh rẽ. Vì	Tiếp thu ý và hiệu chỉnh Dự thảo

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
24.	Khoản 4 Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng	EVN	<p>vậy, đề nghị hiệu chỉnh như sau: “<i>Trường hợp bên mua điện ký một Hợp đồng có nhiều công tơ đo đếm tại một địa điểm được cấp điện từ cùng một nhánh rẽ đường dây thì điện năng tác dụng là tổng sản lượng điện năng phản kháng là tổng công tơ và điện năng phản kháng là tổng sản lượng điện năng phản kháng của các công tơ.</i>”</p> <p>Về mặt vận hành, hệ số công suất cosφ được xác định trên toàn bộ công suất sử dụng điện tại một địa điểm mua điện, không phân biệt công suất của từng mục đích sử dụng điện, vì vậy đề nghị hiệu chỉnh như sau: “<i>Trường hợp bên mua điện tại một điểm có sử dụng điện cho các mục đích khác chung với mục đích sản xuất, kinh doanh thì điện năng tác dụng, điện năng phản kháng để xác định hệ số công suất cosφ là tổng sản lượng điện năng tác dụng, tổng sản lượng điện năng phản kháng của tất cả các mục đích sử dụng điện.</i>”</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo: Việc công suất phản kháng sinh ra chủ yếu do các khách hàng ngoài sinh hoạt, do đó nội dung Dự thảo có tách chi tiết 02 trường hợp có đo đếm riêng và không có đo đếm riêng để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng sử dụng điện sinh hoạt.</p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
25.	Khoản 5 Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng	EVNCPC	Các công thức và bảng số liệu (tính hệ số cosφ và tiền mua công suất phản kháng) gồm nhiều nội dung chi tiết, dễ xuất tách thành phụ lục để đảm bảo kết cấu chính của Nghị định.	<p>- Tiếp thu ý kiến góp ý, các công thức và bảng số liệu (tính hệ số cosφ và tiền mua công suất phản kháng) được chuyển thành Phụ lục Hệ số công suất cosφ và tiền mua công suất phản kháng kèm theo Nghị định; đồng thời khoản 2 và khoản 5 Điều 4 Dự thảo Nghị định được hiệu chỉnh tương ứng như sau:</p> <p><i>"2. Hệ số công suất cosφ dùng để xác định việc mua công suất phản kháng của bên mua điện được tính trên cơ sở số liệu đo đếm được tại công tơ đo đếm điện năng trong một chu kỳ ghi chỉ số công tơ theo quy định tại mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này."</i></p> <p><i>"5. Tiền mua công suất phản kháng là số tiền bên mua điện phải trả cho bên bán điện để bù đắp các khoản chi phí phát sinh thêm do bên mua điện sử dụng quá lượng công suất phản kháng quy định được tính theo công thức quy định tại mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này."</i></p>
26.	Khoản 6 Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng	VEEA	Để nghị nêu rõ giá mua công suất phản kháng mà hệ thống điện mua công suất phản kháng của bên mua điện	Để nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì không thể nêu rõ được giá mua CSPK; theo công thức tính thì tiền mua

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
27.	Khoản 7 Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng	EVN	<p>Tại một số thời điểm hệ thống điện có hiện tượng dư công suất phản kháng, điện áp tăng cao, cấp điều độ đã yêu cầu các nhà máy điện, khách hàng lớn nhận công suất phản kháng để đảm bảo an toàn hệ thống điện, vì vậy đề nghị hiệu chỉnh như sau:</p> <p><i>"Trương hợp bên bán điện không đảm bảo chất lượng điện theo quy định của Bộ Công Thương hoặc bên mua điện được đơn vị điều độ hệ thống điện yêu cầu nhận công suất phản kháng từ lưới điện để đảm bảo an toàn hệ thống điện thì bên mua điện không phải mua công suất phản kháng khi hệ số công suất $\cos\varphi < 0,9$"</i></p>	<p>CSPK được xác định theo tiền mua điện năng tác dụng nhân hệ số k mà tiền mua điện năng tác dụng thì thay đổi hàng tháng phụ thuộc sản lượng điện năng tiêu thụ của tháng.</p> <p>Việc nhận công suất phản kháng từ lưới điện chủ yếu thực hiện do các nhà máy điện trong hệ thống điện thực hiện. Nội dung Nghị định chỉ áp dụng cho các khách hàng sử dụng điện nên không cần bổ sung trường hợp này.</p>
28.	Khoản 1 Điều 6. Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt	EVNSPC	<p>Đề phù hợp Luật điện lực và các quy định an toàn, PCCC, đề nghị bổ sung mục f vào khoản 1 Điều 6 như sau:</p> <p><i>"f) Địa điểm đăng ký mua điện không thuộc các trường hợp quy định như sau: nhà hoặc đất đang bị cơ quan quản lý nhà</i></p>	<p>Đề nghị giữ nguyên Dự thảo, Lý do giải trình như sau:</p> <p>Tại điểm b khoản 2 Điều 6 quy định về hồ sơ đề nghị giao kết hợp đồng bao gồm: Thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Giấy xác</p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p><i>mức yêu cầu cường chế di dời, không đơm báo AT, PCCC thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."</i></p>	<p>nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của người đại diện bên mua điện có thông tin về cư trú của hộ gia đình tại địa điểm mua điện. Trường hợp không sử dụng thông tin về cư trú của hộ gia đình tại địa điểm mua điện, bên mua điện cung cấp bản sao của một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất (trên đất đã có nhà ở); quyết định phân nhà; hợp đồng mua bán nhà; hợp đồng thuê nhà có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc giấy tờ khác chứng minh quyền sở hữu, quản lý, sử dụng địa điểm mua điện có thời hạn từ 01 năm trở lên để đăng ký mua điện.</p> <p>Theo đó, việc quy định sử dụng các giấy tờ và thông tin trên là căn cứ để giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt đã loại trừ các trường hợp địa điểm đăng ký mua điện không hợp pháp. Ngoài ra trong trường hợp nêu địa điểm mua điện thuộc các trường hợp theo Điều 49 Luật Điện lực 2024 thì thực hiện ngừng cung cấp điện theo yêu cầu</p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
29.	Khoản 1 Điều 6. Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt	EVNCPC	<p>Đề phù hợp với Điều 101, 117, 134 Bộ luật dân sự năm 2015 về chủ thể hợp đồng và người đại diện chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, cụ thể: chủ thể giao kết hợp đồng của Bên mua điện là cơ quan, tổ chức, cá nhân; của Bên bán điện là tổ chức, doanh nghiệp hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện; của Bên mua điện trong trường hợp nhiều hộ sử dụng điện chung giao kết 01 hợp đồng là tất cả các hộ sử dụng chung.</p> <p>+ Đề xuất hiệu chỉnh điểm a, b: “<i>Chủ thể để nghị</i>” thành “<i>Người để nghị</i>”; điểm d: “<i>chủ thể giao kết hợp đồng</i>” thành “<i>người đại diện giao kết hợp đồng</i>”.</p>	<p>của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, lý do giải trình như sau:</p> <p>Vì việc sử dụng cụm từ “chủ thể” là tên gọi chung, phù hợp Bộ luật dân sự năm 2015, đồng thời tại dự thảo Nghị định đã giải thích rõ ràng nội hàm của “chủ thể” đối với từng bên mua, bên bán điện.</p>
30.	Khoản 1 Điều 6. Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt	EVNCPC	<p>Đề phù hợp với thuật ngữ của Luật nhà ở năm 2023, đồng thời làm rõ trường hợp người thuê nhà ký hợp đồng mua bán điện theo ủy quyền của chủ sở hữu nhà thì bên mua điện là chủ sở hữu nhà, bên mua điện phải thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng mua bán điện khi người thuê nhà (người sử dụng điện) không thực hiện, đề xuất hiệu chỉnh điểm đ khoản 1 Điều 6 như sau:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và hiệu chỉnh Dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>“<i>đ) Trường hợp bên mua điện là người thuê nhà để ở thì chủ thể giao kết hợp đồng của bên mua điện là chủ sở hữu nhà ở hoặc người thuê nhà được chủ sở hữu nhà ở ủy quyền bằng văn bản. Trong đó, chủ sở hữu nhà ở có văn bản cam kết thanh toán tiền điện trong trường hợp</i></p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
31.	Khoản 2 Điều 6. Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt	Văn phòng Bộ	"đ) Trường hợp bên mua điện là người thuê nhà để ở thì chủ thẻ giao kết hợp đồng của bên mua điện là chủ sở hữu nhà ở hoặc người thuê nhà được chủ sở hữu nhà ở đồng ý bằng văn bản. Trong đó, chủ sở hữu nhà ở có văn bản cam kết thanh toán tiền điện trong trường hợp người thuê nhà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện."	người thuê nhà được ủy quyền chủ thẻ giao kết hợp đồng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện."
32.	Khoản 2 Điều 6. Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt	EVNHANOI	Khoản 2 Điều 6 quy định về hồ sơ đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt nhưng không quy định số lượng hồ sơ phải nộp. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định số lượng hồ sơ đề nghị.	Tiếp thu ý kiến và hiệu chỉnh tại Dự thảo Nghị định như sau: "2. Bên mua điện lập hồ sơ đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt bằng văn bản giấy hoặc hình thức thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản theo quy định của pháp luật, gửi 01 bộ hồ sơ tới bên bán điện trong trường hợp bằng văn bản giấy. Hồ sơ đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện bao gồm các giấy tờ, tài liệu sau đây:..."
			tại điểm b khoản 2 Điều 6 đề nghị bổ sung Thẻ Căn cước theo Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023, theo đó quy định:	Tiếp thu ý kiến và hiệu chỉnh tại Dự thảo Nghị định như sau: "b) Thẻ Căn cước hoặc Thẻ Căn cước công dân hoặc Chương minh nhân

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p><i>“b) Thẻ Căn cước: Thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ...”</i></p>	<p><i>dân hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú...”</i></p>
33.	Khoản 3 Điều 6. Điều kiện kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt	Văn phòng Bộ	<p>Khoản 3 Điều 6 quy định thời hạn bên bán điện phải thực hiện giao kết hợp đồng mua bán điện và cấp điện trong thời hạn 07 ngày làm việc nhưng không quy định thời điểm bắt đầu tính thời hạn. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thời điểm bắt đầu tính thời hạn giao kết hợp đồng và cấp điện.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và hiệu chỉnh tại Dự thảo Nghị định như sau:</p> <p><i>“3. Bên bán điện phải thực hiện giao kết hợp đồng và cấp điện cho bên mua điện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày các bên đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”</i></p>
34.	Điều 6.	VEEA	<p>Tại Điều 6 cần có quy định rõ hơn về các điều kiện, hồ sơ, giấy tờ, thủ tục để tính toán định mức của bậc thứ nhất trong biểu giá bán lẻ điện sinh hoạt 5 bậc để làm cơ sở cho các đơn vị bán lẻ điện thực hiện</p>	<p>Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Quy định cụ thể về việc xác định định mức được quy định tại Thông tư của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện giá bán điện.</p>
35.	Khoản 1 Điều 7. Ghi chỉ số đo điện năng	EVNHANOI	<p>Đề nghị hiệu chỉnh như sau:</p> <p><i>“1. Đối với việc mua bán điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt, Bên bán điện ghi chỉ số đo điện năng mỗi tháng 01 lần vào ngày ấn định, trừ trường hợp bất khả</i></p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Điện lực; đồng thời để làm rõ việc ghi chỉ số đo điện năng, Dự thảo Nghị định đã hiệu chỉnh, bổ sung như sau:</p> <p><i>“1. Đối với việc mua bán điện sử dụng</i></p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
36.	Khoản 2 Điều 7. Ghi chi số đo điện năng	EVN	<p><i>Kháng có nguy cơ mất an toàn cho người lao động quy định trong hợp đồng mua bán điện. Cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chi số đo điện năng trước hoặc sau 01 ngày so với ngày ấn định hoặc dịch chuyển theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện."</i></p>	<p><i>cho mục đích sinh hoạt. Bên bán điện ghi chi số đo điện năng mỗi tháng 01 lần vào ngày ấn định do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện, trừ trường hợp bất khả kháng có nguy cơ mất an toàn cho người lao động quy định trong hợp đồng mua bán điện. Cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chi số đo điện năng trước hoặc sau 01 ngày so với ngày ấn định hoặc dịch chuyển theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện."</i></p>
			<p>Việc thay đổi số lần ghi chi số trong một tháng nên được xem xét mỗi năm một lần để hạn chế nhiều thay đổi.</p> <p>Một số khách hàng có sản lượng điện tiêu thụ giảm (từ 3 kỳ xuống 2 kỳ hoặc 1 kỳ) nhưng vẫn yêu cầu giữ nguyên số kỳ ghi chi số và hóa đơn trong một tháng để đảm bảo ổn định kế hoạch tài chính và dòng tiền. Vì vậy, đề nghị hiệu chỉnh, bổ sung như sau:</p> <p><i>"2. Đối với việc mua bán điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt, căn cứ sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng trong năm trước liền kề, số lần ghi chi số</i></p>	<p>Tiếp thu các ý kiến, khoản 2 Điều 7 Dự thảo Nghị định được hiệu chỉnh theo hướng đề 2 bên tự thỏa thuận số kỳ ghi chi số công tơ, trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo số kỳ quy định cụ thể:</p> <p><i>"2. Trường hợp bên mua điện và bên bán điện không thỏa thuận được số lần ghi chi số đo điện năng trong tháng, việc ghi chi số đo điện năng đối với việc mua bán điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt của bên bán điện được quy định căn cứ vào sản lượng điện tiêu thụ bình quân</i></p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>đo điện năng trong một tháng được quy định như sau:</p> <p>a) Dưới 50.000 kWh/tháng, ghi chỉ số lần trong một tháng;</p> <p>b) Từ 50.000 đến 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số hai lần trong một tháng;</p> <p>c) Trên 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số ba lần trong một tháng.</p> <p>Trong trường hợp được bên mua điện đồng ý, bên bán điện có thể áp dụng số lần ghi chỉ số trong tháng nhiều hơn số lần quy định ở trên.</p>	<p>đăng ký trong hợp đồng mua bán điện như sau:</p> <p>a) Dưới 50.000 kWh/tháng, ghi chỉ số một lần trong một tháng;</p> <p>b) Từ 50.000 đến 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số hai lần trong một tháng;</p> <p>c) Trên 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số ba lần trong một tháng.”</p> <p>Đồng thời, tiếp thu ý kiến của SPC, bổ sung khoản 3 mới tại Điều 7 để quy định về việc điều chỉnh số lần ghi chỉ số đo điện năng đối với việc mua bán điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt (các khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 7 trước đây được chuyển thành khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 7), cụ thể như sau:</p> <p>“3. Hai bên có quyền thỏa thuận để điều chỉnh số lần ghi chỉ số đo điện năng đối với việc mua bán điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt nếu sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân của bên mua điện trong ba tháng gần nhất vượt quá hoặc thấp hơn các ngưỡng tiêu thụ đã quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.”</p>
37.	Khoản 2 Điều 7. Ghi chỉ số đo điện năng	EVNHANOI	<p>Để thống nhất nội dung quy định, đề nghị bổ sung câu “Việc ghi chỉ số được ấn định vào các ngày thông nhất trong hợp đồng mua bán điện, trừ trường hợp bất khả kháng.” vào cuối khoản 2 Điều 7.</p>	
38.	Khoản 2 Điều 7. Ghi chỉ số đo điện năng	EVNSPC	<p>Để rõ và dễ thực thi hơn cho Đơn vị bán điện khi thực hiện, đề xuất bổ sung thêm mục d vào khoản 2 Điều 7 như sau:</p> <p>“d) Số lần ghi chỉ số công tơ sẽ được điều chỉnh nếu sản lượng điện năng bình quân của ba tháng gần nhất thay đổi, vượt quá</p>	

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
39.	Khoản 2 Điều 7. Ghi chi số đo điện năng	EVNHCMC	<p><i>hoặc thấp hơn các ngưỡng tiêu thụ đã quy định tại các mục a, b hoặc c."</i></p> <p>Thực tế, EVNHCMC ghi nhận nhiều trường hợp khách hàng có điện năng tiêu thụ chưa ổn định, các Công ty Điện lực phải thường xuyên theo dõi hàng tháng để chuyển ngày ghi điện liên tục khi mức tiêu thụ của khách hàng chạm ngưỡng 50.000 kWh/tháng hoặc 100.000 kWh/tháng, gây ra nhiều khó khăn cho khách hàng và ngành điện, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Về phía khách hàng: (i) Không đảm bảo tính ổn định trong việc thanh toán tiền điện, bị động trong việc bố trí ngân sách hàng tháng; (ii) Bị phiền hà do phải thoả thuận, ký lại ngày ghi điện khi có thay đổi; (iii) Một số khách hàng quan trọng (nhà máy nước, bệnh viện,...) có nhiều nguồn dự phòng, thường xuyên thay đổi, chi chuyển nguồn trong thời gian ngắn (01 đến 02 tháng); + Về phía ngành điện: (i) Không đảm bảo tính ổn định trong việc bố trí nhân viên ghi điện, thu tiền; (ii) Mất nhiều thời gian để thương thảo và ký lại với khách hàng về việc thay đổi ngày ghi điện. 	

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
40.	Điều 8. Các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện	NSMO	<p>Do đó, EVNHCMC đề xuất Bộ Công Thương điều chỉnh khoản 2 Điều 7 theo hướng căn cứ vào điện năng tiêu thụ trung bình trong 03 tháng liên tục gần nhất hoặc 03 tháng liên tục có điện năng tiêu thụ bằng hoặc cao hơn 2 ngưỡng đề xác định số lần ghi điện trong tháng thay vì theo tháng bất kỳ như trong Dự thảo</p> <p>Đề nghị hiệu chỉnh như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng mất cân bằng công suất giữa nguồn điện và phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện. Xây ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu sản lượng điện năng đáp ứng cho phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện. Các tình huống cấp bách khác dẫn đến tình trạng mất cân bằng công suất giữa nguồn điện và phụ tải điện. 	<p>Tiếp thu một phần và hiệu chỉnh Điều 8 Dự thảo như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng mất cân bằng công suất giữa nguồn điện và phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện. <p>Xây ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu sản lượng điện năng đáp ứng cho phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện.</p>

TT	NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
41.	Khoản 1 Điều 9. Xử lý tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện	NSMO	Đề nghị hiệu chỉnh như sau: 1. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia có trách nhiệm xác định các tình huống cấp bách đe dọa đến khả năng bảo đảm cung cấp điện trong các Phương thức vận hành hệ thống điện hoặc thực tế vận hành của hệ thống điện quốc gia, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc vận hành, huy động các nhà máy điện nhằm bảo đảm cung cấp điện.	Tiếp thu một phần và hiệu chỉnh khoản 1 Điều 9 Dự thảo như sau: 1. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có trách nhiệm xác định các tình huống cấp bách đe dọa đến khả năng bảo đảm cung cấp điện trong các Phương thức vận hành hệ thống điện hoặc thực tế vận hành của hệ thống điện quốc gia, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc vận hành, huy động các nhà máy điện nhằm bảo đảm cung cấp điện.
42.	Khoản 2 Điều 9. Xử lý tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện	VEEA	Đề nghị bổ sung thêm nội dung: các nhà máy phát điện phải đảm bảo hệ số sẵn sàng của thiết bị công nghệ, bảo đảm đủ lượng nhiên liệu dự phòng đáp ứng yêu cầu huy động công suất của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia	Nội dung về trách nhiệm đảm bảo sẵn sàng về thiết bị công nghệ và dự phòng nhiên liệu đã được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 Luật Điện lực
43.	Khoản 2 Điều 10. Hiệu lực thi hành	VPB	Đề nghị xác định cụ thể quy định điều khoản tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP hết hiệu lực	Tiếp thu ý kiến và đã hiệu chỉnh Dự thảo Nghị định để xác định cụ thể các điều khoản tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP hết hiệu lực.